

21/10/2024

KHUYẾN NGHỊ	KHÔNG XẾP HẠNG
Giá hiện tại	12,350
Tiềm năng tăng/giảm	N/A

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)	740.50
Free float (%)	55.53%
Vốn hóa (tỷ VND)	9,071.14
KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu)	2,334,200
Sở hữu nước ngoài (%)	21.94%
Ngày niêm yết đầu tiên	25/02/2008

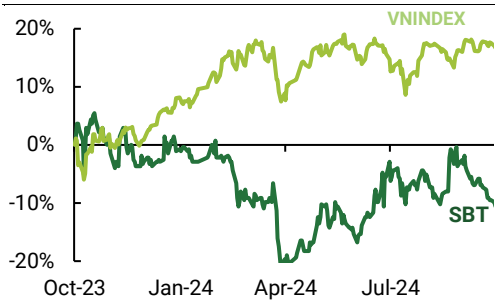
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thanh Thanh Cong Investment JSC	21.86%
LEGENDARY VENTURE FUND 1	16.48%
Dang Huynh Uc My	10.12%
Huynh Bich Ngoc	9.35%
Khác	42.19%

KHÍA CẠNH TRỌNG YẾU

TTM EPS (VND)	834
BVPS (VND)	13,479
Nợ/VCSH	143.59%
ROA (%)	2.34%
ROE (%)	6.44%
P/E	12.6
P/B	0.92
Tỷ suất cổ tức (%)	#N/A

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU



SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa (HSX: SBT) được thành lập vào năm 1995, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ của quá trình sản xuất đường. SBT hiện sở hữu 09 nhà máy luyện Đường từ Đường thô và Mía, trong đó có 4 Trung tâm luyện Đường thô lớn là TTCS, Biên Hòa - Ninh Hòa, Biên Hòa - Trị An, Biên Hòa - Đồng Nai với tổng công suất luyện Đường từ Đường thô khoảng 300,000 tấn Đường/năm. Sản phẩm của công ty được phân phối trên toàn quốc thông qua các siêu thị, đại lý và nhà phân phối.

KHỐI PHÂN TÍCH

rsd@phs.vn

GẶP GỠ DOANH NGHIỆP – BƯỚC CHUYỂN MÌNH

- Hướng đến mục tiêu doanh thu đạt 60,000 tỷ VND năm 2030 trong tiến trình xây dựng chuỗi giá trị thương mại tuần hoàn và hệ sinh thái nông nghiệp bền vững.
- Tái cấu trúc danh mục đầu tư để tập trung vào hoạt động cốt lõi vào lĩnh vực nông nghiệp và FBMC.
- Diễn biến thị trường, tại giá đóng cửa ngày 21/10/2024, SBT đang được giao dịch tại tỷ lệ P/E trượt là 12.6x và P/B trượt là 0.92x, thấp hơn đáng kể so với mức bình quân và trung vị trong vòng 10 năm qua.
- Chúng tôi cần quan sát thêm và cập nhật thông tin để có thể đánh giá đầy đủ về tiềm năng phát triển của doanh nghiệp trong tương lai

1. Chuỗi giá trị nông nghiệp thương mại tuần hoàn hướng tới mục tiêu doanh thu 60,000 tỷ VND năm 2030:

TTC Agris đặt mục tiêu doanh thu năm 2030 sẽ đạt 60,000 tỷ VND (tăng trưởng gấp đôi so với doanh thu thuần niên độ 23A-24A là 29,021 tỷ VND), cụ thể:

- Mảng đường sẽ góp 60% doanh thu mục tiêu với sản lượng tiêu thụ năm 2030 dự kiến đạt ~1.7 triệu tấn đường (tăng 30% so với 1.3 triệu tấn đường tiêu thụ các loại của niên độ 2023A-2024A).
- Phát triển lĩnh vực FBMC (Thực phẩm - Đồ uống - Sữa - Bánh kẹo) với đóng góp 40% tổng doanh thu năm 2030, trong đó 8% đến từ thực phẩm; 28% đồ uống; 2.7% mảng sữa và 1.3% bánh kẹo.

Trong niên độ 23A-24A, mảng đường hiện đang đóng góp 92% tổng doanh thu của SBT, nhưng với kế hoạch mới, tỷ trọng này giảm xuống còn 60%, thể hiện tham vọng chuyển đổi mạnh mẽ của TTC AgriS vào lĩnh vực FBMC trong 5 năm tới:

- Nhờ vào lợi thế, kinh nghiệm trong phát triển cây nông nghiệp như mía đường, cây dứa, v.v. SBT đang thực hiện tối ưu hóa và tận dụng toàn diện chuỗi giá trị các loại cây này trong hành trình sản phẩm FBMC.
- Lĩnh vực thực phẩm và nước giải khát được đánh giá rất tiềm năng, với khả năng duy trì tăng trưởng dài hạn. Việt Nam hiện là thị trường tăng trưởng nhanh nhất khu vực ASEAN, dự kiến chiếm 20% thị phần khu vực vào năm 2030, tạo cơ hội lớn cho SBT mở rộng trong phân khúc mới này.
- Ngoài ra thị trường F&B cũng được dự báo phát triển theo xu hướng hướng đến i) các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên; tốt cho sức khỏe; ii) "Drink more than eat"; iii) ESG trong sản xuất, v.v. Phù hợp với các loại sản phẩm hiện có và đang phát triển của SBT.

Thực tế, TTC AgriS cũng đang tích cực trong công tác M&A lĩnh vực FBMC:

- Ngày 19/09/2024, Global Mind Australia (GMAA), công ty thành viên của TTC AgriS, công bố hoàn tất khoản đầu tư 1.5 triệu AUD vào East Forged, doanh nghiệp F&B (trà ủ lạnh) có trụ sở tại Brisbane, Australia. Theo thông tin GMAA công bố, khoản đầu tư này nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển sản phẩm trà ủ lạnh tự nhiên mang thương hiệu East Forged, đồng thời tăng cường hiện diện tại thị trường Australia và ASEAN.
- Ngày 10/10/2024, SBT thông qua nghị quyết đầu tư 40% vốn điều lệ Công ty CP Xuất nhập khẩu Bến Tre (Betrimex) nhằm mục đích thực hiện đầu tư danh mục thuộc lĩnh vực định hướng chiến lược của công ty giai đoạn 2025-2030.

2. Mục tiêu Net Zero năm 2035 với nền nông nghiệp phát triển bền vững và ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao:

Phát triển vùng nguyên liệu xuyên biên giới: Tổng diện tích vùng nguyên liệu niên độ 2023-2024 của TTC AgriS tại 04 quốc gia Việt Nam, Campuchia, Lào và Úc đang ghi nhận 71,797ha (tăng 778 ha so với niên độ 22A-23A, với diện tích tăng thêm tại Úc và Việt Nam). Trong đó vùng Nguyên liệu tại Việt Nam đang chiếm trọng yếu với đóng góp 57% tổng diện tích vùng nguyên liệu của công ty. **SBT hiện đang đặt mục tiêu phát triển thêm 20,000ha vùng nguyên liệu và đạt tổng 90,000ha toàn cầu vào niên độ 29F-30F.**

Với các vùng nguyên liệu có diện tích lớn, tọa lạc tại các địa điểm khác nhau, SBT đang ứng dụng công tác quản lý công nghệ cao, quy hoạch đồng ruộng thông minh, v.v. để nâng cao hiệu suất canh tác:

- Định hướng phát triển bền vững với việc hạn chế/không cần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật: TTC AgriS hiện đang đẩy mạnh các mô hình quản lý dịch hại với việc sử dụng phương pháp “Thiên địch” là Ong mắt đỏ Abi giúp kiểm soát tỷ lệ sâu hại mía ngay từ những gia đoạn đầu tiên
- Sử dụng hình ảnh quang phổ/vệ tinh trong quá trình canh tác nông nghiệp: Giúp TTC AgriS đánh giá toàn diện hơn về mức độ tăng trưởng, phát triển của cây, tình trạng thừa/thiếu nước của các nông trường, tỷ lệ hấp thụ phân bón, từ đó có các biện pháp canh tác phù hợp với tình hình phát triển tại vùng nguyên liệu.
- Cơ giới hóa và sử dụng Drone trong quá trình canh tác

Khả năng mở rộng vùng nguyên liệu với quy mô lớn, diện tích tập trung và ứng dụng cơ giới hóa sẽ giúp cho AgriS TTC có thể nâng cao hiệu suất canh tác, tối ưu hóa chi phí canh tác so với các vùng trồng khác.

3. Điểm nhấn tài chính – Tái cấu trúc danh mục đầu tư

SBT vừa qua công bố tài liệu ĐHCĐ 2024 với kế hoạch niên độ 2024-2025 có doanh thu đạt 26,168 tỷ VND (giảm 10% so với cùng kỳ) và lợi nhuận trước thuế kỳ vọng là 900 tỷ VND. SBT dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% cho niên độ 22A-24A và 5-7% cho năm tới.

Tại buổi Site Visit 2024, đại diện TTC AgriS chia sẻ kết quả kinh doanh dự kiến trong Quý 1 niên độ 24-25: Doanh thu ghi nhận 6,840 tỷ VND (+7.2% YoY) và lợi nhuận trước thuế là 260 tỷ VND (+3.1% YoY), lần lượt đạt được 26% và 29% kế hoạch đặt ra (Đang chờ được phê duyệt tại ĐHCĐ 2024).

Ngoài ra công ty đang tìm kiếm các đối tác phù hợp trong quá trình tái cấu trúc danh mục đầu tư để tập trung vào hoạt động cốt lõi vào lĩnh vực nông nghiệp và FBMC. Danh mục tái cơ cấu bao gồm 06 doanh nghiệp có tổng giá trị ghi sổ chiếm 10% tổng giá trị tài sản SBT tại ngày 30/06/24, trong đó bao gồm:

- Với 02 Công ty niêm yết (lĩnh vực năng lượng và dịch vụ nhà hàng), SBT đang nắm giữ 55.5 triệu cổ phiếu cổ phiếu CTCP Điện Gia Lai (HSX: GEG, giá gốc 750 tỷ VND) và 1.7 triệu cổ phiếu CTCP Du Lịch Thành Thành Công (HSX: VNG, giá gốc 34 tỷ VND).
- 04 công ty chưa niêm yết: CTCP Toàn Hải Vân (lĩnh vực vận tải biển, Giá trị ghi sổ 1.97 nghìn tỷ VND); CTCP XNK Tân Định (lĩnh vực BDS, giá trị ghi sổ 414 tỷ VND); CTCP Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh (Lĩnh vực BDS KCN; giá trị ghi sổ 266 tỷ VND); CTCP Đầu tư Hạ Tầng Cụm Công nghiệp Tân Hội (BDS KCN; giá trị ghi sổ 15 tỷ VND).

Bảng 1: Chỉ số tài chính của SBT

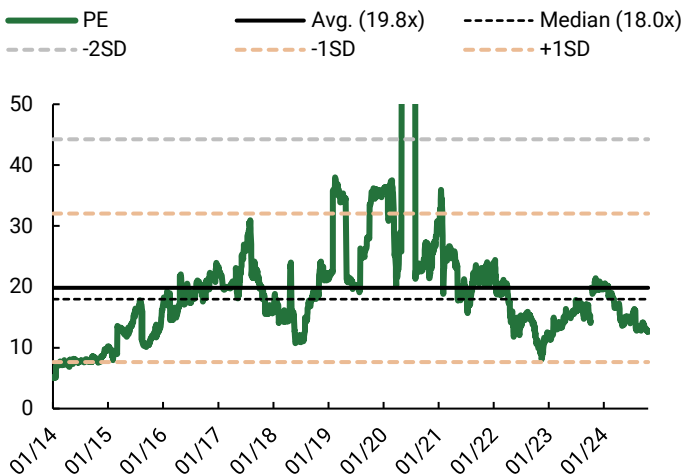
Đơn vị: Tỷ VND	20-21A	21-22A	22-23A	23-24A	Kế hoạch 24-25G
Tổng tài sản	20,471	27,730	29,934	34,078	-
Vốn chủ sở hữu	8,238	9,669	10,504	11,144	-
Doanh thu thuần	14,925	18,319	24,743	29,021	26,168
Lợi nhuận gộp	2,216	2,308	2,721	3,165	-
Lợi nhuận trước thuế	784	1,046	719	908	900
Lợi nhuận sau thuế	650	873	605	806	-
Biên lợi nhuận gộp	14.8%	12.6%	11.0%	10.9%	-
Biên lợi nhuận thuần	4.4%	4.8%	2.4%	2.8%	-
ROA	3.4%	3.6%	2.1%	2.5%	-
ROE	8.2%	9.8%	6.0%	7.4%	-

Nguồn: Báo cáo tài chính SBT, PHS tổng hợp

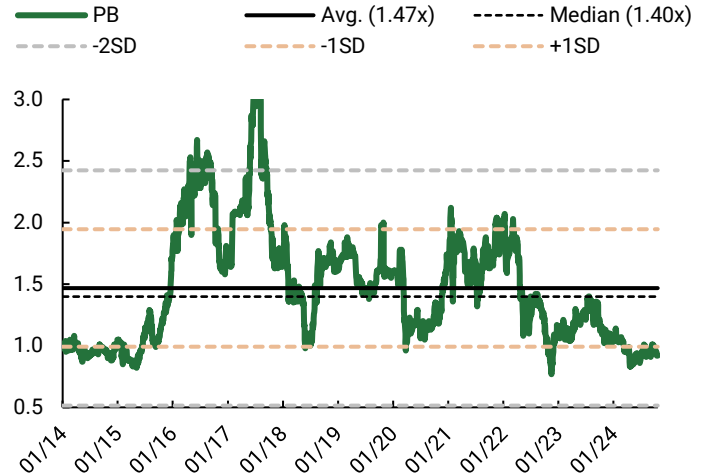
4. Diễn biến định giá:

Với chiến lược phát triển mới như i) mở rộng vùng nguyên liệu thêm 20,000 ha; ii) thâm nhập và phát triển thị trường FBMC; iii) tái cấu trúc danh mục đầu tư. Chúng tôi cần quan sát thêm và cập nhật thông tin để có thể đánh giá đầy đủ về tiềm năng phát triển của doanh nghiệp trong tương lai.

Diễn biến thị trường, tại giá đóng cửa ngày 21/10/2024, SBT đang được giao dịch tại tỷ lệ P/E trượt là 12.6x và P/B trượt là 0.92x, thấp hơn đáng kể so với mức bình quân và trung vị trong vòng 10 năm qua.

Hình 1: Diễn biến định giá P/E của SBT trong vòng 10 năm qua (2014 – hiện tại)


Nguồn: Fiinpro, PHS tổng hợp, Dữ liệu ngày 21/10/24

Hình 2: Diễn biến định giá P/B của SBT trong vòng 10 năm qua (2014 – hiện tại)


Nguồn: Fiinpro, PHS tổng hợp, Dữ liệu ngày 21/10/24

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2019A-2020A	2020A-2021A	2021A-2022A	2022A-23A	2023A-2024A
Doanh thu thuần	12,889	14,925	18,319	24,743	29,021
Giá vốn hàng bán	(11,434)	(12,709)	(16,011)	(22,022)	(25,857)
Lợi nhuận gộp	1,455	2,216	2,308	2,721	3,165
Chi phí bán hàng và QLDN	(828)	(1,093)	(1,301)	(1,276)	(1,519)
Lợi nhuận từ HĐKD	627	1,123	1,007	1,445	1,645
Thu nhập tài chính	730	499	1,086	1,099	1,299
Chi phí tài chính	(854)	(853)	(956)	(1,780)	(2,030)
Thu nhập khác, ròng	(10)	(8)	(124)	(17)	(5)
Lợi nhuận trước thuế	512	784	1,046	719	908
Lợi nhuận sau thuế	363	650	873	605	806
LNST của cổ đông Công ty mẹ	364	645	875	537	748
Cân đối kế toán	2019A-2020A	2020A-2021A	2021A-2022A	2022A-23A	2023A-2024A
Tài Sản Ngắn Hạn	10,031	12,577	18,027	20,047	23,752
Tiền và tương đương tiền	1,000	1,823	2,563	3,146	4,630
Đầu tư tài chính ngắn hạn	899	1,240	2,031	2,528	3,803
Phải thu ngắn hạn	5,447	6,219	8,662	9,734	11,240
Hàng tồn kho	2,529	3,159	4,626	4,504	3,953
Tài sản ngắn hạn khác	155	136	145	134	125
Tài Sản Dài Hạn	7,925	7,894	9,704	9,887	10,327
Tài sản cố định	4,180	3,922	4,522	4,155	4,181
Bất động sản đầu tư	592	578	582	573	807
Đầu tư tài chính dài hạn	1,246	1,411	2,553	2,996	2,997
Tài sản dài hạn khác	1,907	1,983	2,047	2,163	2,342
Tổng cộng tài sản	17,956	20,471	27,730	29,934	34,078
Nợ phải trả	10,313	12,233	18,061	19,431	22,934
Nợ ngắn hạn	8,807	8,572	15,295	17,197	19,400
Nợ dài hạn	1,506	3,661	2,767	2,234	3,535
Vốn chủ sở hữu	7,642	8,238	9,669	10,504	11,144
Tổng nguồn vốn	17,956	20,471	27,730	29,934	34,078

Lưu chuyển tiền tệ	2019A-2020A	2020A-2021A	2021A-2022A	2022A-23A	2023A-2024A
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	98	95	1,175	687	63
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(712)	(432)	(2,619)	(645)	(2,955)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	608	1,160	2,186	539	4,377
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(5)	824	742	581	1,484
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	1004	999	1,823	2,563	3,146
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	999	1,823	2,563	3,146	4,630
Chỉ số tài chính	2019A-2020A	2020A-2021A	2021A-2022A	2022A-23A	2023A-2024A
Tăng trưởng					
Doanh thu	18.7%	15.8%	22.7%	35.1%	17.3%
EBIT	2408%	79%	-10%	43%	14%
Lợi nhuận trước thuế	21.3%	53.1%	33.4%	-31.3%	26.3%
Lợi nhuận sau thuế	40.2%	79.1%	34.3%	-30.7%	33.2%
Tổng tài sản	7.2%	14.0%	35.5%	7.9%	13.8%
Tổng vốn chủ sở hữu	31.3%	7.8%	17.4%	8.6%	6.1%
Khả năng sinh lời					
Tỷ suất lãi gộp	11.3%	14.8%	12.6%	11.0%	10.9%
Tỷ suất EBIT	4.9%	7.5%	5.5%	5.8%	5.7%
Tỷ suất lãi ròng	2.8%	4.4%	4.8%	2.4%	2.8%
ROA	2.1%	3.4%	3.6%	2.1%	2.5%
ROE	5.4%	8.2%	9.8%	6.0%	7.4%
Hiệu quả hoạt động					
Số ngày phải thu	148	143	148	136	132
Số ngày tồn kho	85	82	89	76	60
Số ngày phải trả	18	15	25	23	16
Khả năng thanh toán					
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.14	1.47	1.18	1.17	1.22
Tỷ suất thanh toán nợ vay	1.75	2.13	2.28	1.48	1.53
Cấu trúc tài chính					
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.57	0.60	0.65	0.65	0.67
Tổng nợ vay/Vốn chủ sở hữu	1.08	1.14	1.15	1.11	1.44

Nguồn: Fiinpro, PHS tổng hợp

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Khối phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%.

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,

8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Customer Service: 1900 25 23 58

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (84-28) 5 413 5472

Call Center: (84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,

107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7,

Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby

81-83-83B-85 Hàm Nghi,

P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 và 5, D&D Tower,

458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3,

Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,

251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình,

Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,

N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận

Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,

Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai

Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,

18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải

Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801

Quý Khách hàng vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này